

Bản án số: 816/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 02/7/2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Ông Phan Minh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1221/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông V.N.X.L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đường TN, Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Đ.T.X.P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường TN, Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà P vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông và bà P kết hôn ngày 20/12/2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 304, quyền số 02/2006 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2006. Sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2010 ông và bà thường xuyên cãi nhau. Ông và bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà P.

Về con chung: Có hai con chung tên V.M.N, sinh ngày 13/11/2006 và V.T.T, sinh ngày 14/8/2008. Ông yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông khai không có.

Bà P trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của ông L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian đầu ông và bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức ly hôn. Bà không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L được ly hôn với bà P.

Về con chung: Giao con chung cho ông L chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà P là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Theo kết quả xác minh của Công an Phường A, quận Gò Vấp có nội dung: Dương sự Đ.T.X.P hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư ngụ tại địa chỉ đường TN, Phường A, quận Gò Vấp do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về người tham gia tố tụng:

Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông L.

Bà P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 304, quyển số 02/2006 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2006 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà P là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông L yêu cầu được ly hôn với bà P vì cho rằng cả hai có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Sự việc như vậy đã diễn ra trong khoảng thời gian dài. Mặc dù hai bên đều ngồi lại chia sẻ với nhau những vẫn không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà P thừa nhận có mâu thuẫn nhưng bà không đồng ý ly hôn.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Mặc dù cả hai còn chung sống nhưng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn không được giải quyết. Nay ông L kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa ông L và bà P đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông L yêu cầu giải quyết ly hôn với bà P là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Ông L bà P trình bày có hai con chung tên V.M.N, sinh ngày 13/11/2006 và V.T.T, sinh ngày 14/8/2008. Ông L yêu cầu được chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con, hai trẻ trình bày nguyện vọng được ở với ông L nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần xem xét các điều kiện để trẻ có một cuộc sống tốt nhất. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của ông L, nguyện vọng của hai trẻ nên giao hai trẻ cho ông L nuôi dưỡng, chăm sóc, và giáo dục.

Về tài sản chung, và nợ chung: Ông L bà P khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V.N.X.L.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V.N.X.L được ly hôn với Bà Đ.T.X.P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 304, quyển số 02/2006, do Ủy ban nhân dân Phường A, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2006 không còn giá trị.

- Về con chung: Giao trẻ V.M.N, sinh ngày 13/11/2006 và trẻ V.T.T, sinh ngày 14/8/2008 cho ông L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà P cho đến khi ông L có yêu cầu.

Bà P được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà P. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết bà P, ông L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, và nợ chung: Ông L bà P khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông L chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012478 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (01)
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp; (01)
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; (01)
- UBND Phường A, quận Gò Vấp (01)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến

